

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/DS-PT

Ngày: 21-03-2018

“Tranh chấp về HNGĐ -
ly hôn, nuôi con, tài sản
chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Mai;

Ông Huỳnh Thanh Mỹ;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Đồng Tháp:* Bà Nguyễn Ngọc Trang- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 21 tháng 03 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con, tài sản chung”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2017/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2018/QĐPT-HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Lê Kim T, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Nguyễn Văn D, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đ.

- *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Văn D là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nguyên đơn chị Lê Kim T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Kim T và anh Nguyễn Văn D chung sống với nhau năm 1991, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Đ vào năm 2002. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được ba năm thì anh D không còn thương chị nữa, anh D ra ngoài chơi bời, ăn nhậu và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài. Chị có khuyên nhiều lần

nhưng anh D không thay đổi mà còn đánh đập chị và hủy hoại tài sản trong gia đình nên chị và anh D sống ly thân từ tháng 9 năm 2015 cho đến nay.

Hiện nay tình cảm giữa chị với anh D không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

- *Con chung*: Chị T và anh D chung sống với nhau có 03 con chung tên Nguyễn Thùy T, sinh ngày 22/8/1992; Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 12/8/1994; Nguyễn Đông H, sinh ngày 12/9/2000. Thùy T và Thùy D đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, Đông H đang sinh sống với chị T.

Chị T yêu cầu được nuôi Nguyễn Đông H sau khi ly hôn, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Thùy T và Thùy D đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu Tòa án xem xét.

- *Về tài sản chung*: gồm có

+ Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 42 diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là 988,1m² (đất ở tại nông thôn 150m², đất cây lâu năm 838,1m²) đo đạc thực tế 954m². Khu đất tọa lạc ấp P, xã Phú Long, huyện C, tỉnh Đdo anh D và chị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc tại thửa đất số 17.

+ 02 xe Wave biển số kiểm soát 60M-2330 và 66H4-1519.

Toàn bộ tài sản trên anh D đang quản lý sử dụng.

Khi ly hôn chị T yêu cầu anh D chia cho chị T 477m² đất (trong đó đất ONT là 75m² và đất CLN là 402m²) thuộc 1 phần thửa số 17, tờ bản đồ số 42 xã P do anh D và chị T đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ thể hiện tại các mốc 1, 2, 6, 5 sơ đồ đo đạc ngày 29/3/2017.

Nhà và 02 xe Wave chị T không tranh chấp, đồng ý để anh D sử dụng.

* Việc anh D cho rằng tài sản chung của vợ chồng còn có: 01 xe Wave RSX biển kiểm soát 66C1- 07461; 30.000.000đ và 05 chỉ vàng 24kr. Chị T thừa nhận có 30.000.000đ và 05 chỉ vàng 24kr nhưng trong quá trình sống chung vợ chồng chị đã trồng khoai lỗ lỗ nên số tiền và vàng này chị đã trả nợ hết không còn. Còn xe Wave RSX biển kiểm soát 66C1-07461 là tiền của các con mua nhờ anh D đứng tên dùm, xe hiện nay các con đã bán không còn.

- *Nợ chung*: Không có

2. Bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: anh với chị Lê Kim T quen nhau và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, gia đình không có tổ chức cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C. Anh và chị T chung sống đến năm 2013 thì vợ chồng cãi vã với nhau nên chị T bỏ đi khoảng 3- 4 tháng thì trở về nhà buôn bán, sau đó lại có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, anh đã đọc được tin nhắn trong điện thoại của chị T. Từ đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2014 (âl) cho đến nay.

Nay anh D đồng ý ly hôn với chị Lê Kim T.

- *Về con chung*: có 03 con chung như chị T trình bày. Anh D đồng ý cho chị T được quyền nuôi Nguyễn Đông H sinh ngày 12/9/2000, anh D

không cấp dưỡng nuôi con. Thùy T và Thùy D đã trưởng thành nên anh D không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung gồm có:*

+ 02 xe Wave biển kiểm soát 60M-2330 và 66H4- 1519 vợ chồng mua chưa sang tên.

+ 01 xe Wave RSX biển kiểm soát 66C1- 07461 do anh D đứng tên.

+ 01 căn nhà cấp 4 (đã hư) xây dựng trên thửa đất số 17.

+ 30.000.000đ và 05 chỉ vàng 24 Kr.

Chị T đang quản lý xe Wave RSX biển kiểm soát 66C1- 07461, 30.000.000đ và 05 chỉ vàng 24 Kr. Các tài sản còn lại anh quản lý sử dụng.

Khi ly hôn anh D không tranh chấp các tài sản nêu trên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 42 ở xã Phú Long là tài sản của cá nhân anh D được cha mẹ tặng cho riêng nên không đồng ý chia cho chị T.

- *Nợ chung:* không có.

3. Tại bản án sơ thẩm số 43/2017/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cdã xử:

- *Về quan hệ vợ chồng:* Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

- *Về con chung:*

Chị Lê Kim T được quyền nuôi con chung Nguyễn Đông H, sinh ngày 12/9/2000 (Đông H đang sinh sống với chị T). Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Kim T và các thành viên trong gia đình của chị T không được cản trở anh D đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

Nguyễn Thùy T và Nguyễn Thị Thùy D đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Kim T.

+ Chị Lê Kim T được quyền sử dụng: 477m² đất (trong đó đất ONT là 75m² và đất CLN là 402m²) cùng với cây trồng trên đất, thuộc 1 phần thửa số 17, tờ bản đồ số 42 xã P do anh Nguyễn Văn D và chị Lê Kim T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện tại các mốc 1, 2, 6, 5 sơ đồ đo đạc ngày 29/3/2017 (đất anh D đang canh tác). Anh Nguyễn Văn D có trách nhiệm giao cho chị Lê Thị Kim T diện tích đất đã được phân chia.

+ Anh Nguyễn Văn D được quyền sử dụng: 477m² đất (trong đó đất ONT là 75m² và đất CLN là 402m²) và cây trồng trên đất thuộc 1 phần thửa số 17, tờ bản đồ số 42, xã Phú Long do anh D và chị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện tại các mốc 3, 4, 5, 6 sơ đồ đo đạc ngày 29/3/2017 (đất anh D đang canh tác).

Chị T và anh D có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký và điều chỉnh quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật.

- Các tài sản khác như: 01 căn nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất số 17; 02 xe Wave biển kiểm soát 60M-2330 và 66H4- 1519; 01 xe Wave RSX biển kiểm soát 66C1- 07461; 30.000.000đ và 05 chỉ vàng 24 kr chị T và anh D không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: không có

- Về án phí:

+ Chị Lê Kim T phải chịu 2.618.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Trong đó: án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 200.000đ; án phí chia tài sản là 2.418.000đ).

+ Anh Nguyễn Văn D phải chịu 2.418.000đ án phí chia tài sản.

Số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 1.440.625 đồng ngày 08/11/2016 theo biên lai số 11765 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C sẽ được chuyển thành án phí chị T phải nộp. Chị T còn phải nộp tiếp 1.177.375đ án phí chia tài sản.

- Về chi phí thẩm định giá: tổng chi phí thẩm định và định giá là 2.139.000đ.

Chị T và anh D mỗi người phải chịu 1.069.500đ. Chị T đã nộp 2.139.000đ tiền tạm ứng và đã chi xong, do đó anh D có trách nhiệm trả lại cho chị T 1.069.500đ chi phí thẩm định và định giá.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 14/12/2017, anh Nguyễn Văn D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét bác yêu cầu chia tài sản chung của chị Lê Kim T và giao cho anh D được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 17, diện tích đo đạc thực tế là 954m², vì đất này anh D được cha mẹ tặng riêng.

4. Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

- Anh D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn D; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Lê Kim T về việc xin ly hôn đối với anh Nguyễn Văn D nên được Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con, chia tài sản là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn D về việc yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử bác yêu cầu chia tài sản chung của chị T và anh D yêu cầu được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 17, theo đo đạc thực tế có diện tích là 954m², vì đất này anh D được cha mẹ tặng riêng, không phải tài sản chung của anh và chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự, lời thừa nhận của chị T đã có đủ cơ sở để xác định phần đất tại thửa số 17 tờ bản đồ số 42 có nguồn gốc là của cha mẹ anh D; Tuy nhiên, vào thời điểm năm 2007 khi đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất thì anh D đã đồng ý xác lập phần đất mà anh D được cha mẹ anh D cho thành tài sản chung của anh D và chị T; Anh D và chị T cùng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Từ khi được cấp giấy tờ đất cho đến nay, anh D cũng không lần nào phát sinh tranh chấp về vấn đề này; anh D cho rằng phần đất này anh được cha mẹ anh cho riêng anh nhưng anh D không có chứng cứ nào để chứng minh hoặc văn bản thỏa thuận giữa anh và chị T về phần đất tại thửa số 17 này là của riêng anh D; Đồng thời, tại phiên tòa chị T cũng không thừa nhận phần diện tích đất tại thửa số 17 là tài sản riêng của anh D. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị T đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 24 là có căn cứ. Vì vậy, việc anh D kháng cáo không đồng ý chia tài sản chung cho chị T đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 24 là không phù hợp nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh D; giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh D nên anh D phải chịu tiền án phí phúc thẩm;

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện Kiểm Sát là phù hợp;

Các phần còn lại của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, 56, 59 Luật HNGĐ; Điều 48 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn D;

2. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 43/2017/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C;

Tuyên xử:

- *Về quan hệ vợ chồng:* Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

- *Về con chung:*

Chị Lê Kim T được quyền nuôi con chung Nguyễn Đông H, sinh ngày 12/9/2000 (Đông H đang sinh sống với chị T). Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Kim T và các thành viên trong gia đình của chị T không được cản trở anh D đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

Nguyễn Thùy T và Nguyễn Thị Thùy D đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Kim T.

+ Chị Lê Kim T được quyền sử dụng diện tích 477m² đất (trong đó đất ONT là 75m² và đất CLN là 402m²) cùng với cây trồng trên đất, thuộc 1 phần thửa số 17, tờ bản đồ số 42, đất tọa lạc tại ấp P, xã P, do anh Nguyễn Văn D và chị Lê Kim T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện tại các mốc 1, 2, 6, 5, 1 theo sơ đồ đo đạc ngày 29/3/2017 (đất anh D đang canh tác). Anh Nguyễn Văn D có trách nhiệm giao cho chị Lê Kim T diện tích đất đã được phân chia.

+ Anh Nguyễn Văn D được quyền sử dụng diện tích 477m² đất (trong đó đất ONT là 75m² và đất CLN là 402m²) và cây trồng trên đất thuộc 1 phần thửa số 17, tờ bản đồ số 42, đất tọa lạc tại ấp P, xã P do anh D và chị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện tại các mốc 3, 4, 5, 6, 3 theo sơ đồ đo đạc ngày 29/3/2017 (đất anh D đang canh tác).

Chị T và anh D có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký và điều chỉnh quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật.

- Các tài sản khác như: 01 căn nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất số 17; 02 xe Wave biển kiểm soát 60M-2330 và 66H4- 1519; 01 xe Wave RSX biển kiểm soát 66C1- 07461; 30.000.000đ và 05 chỉ vàng 24 kr; chị T và anh D không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung:* không có

- *Về án phí:*

+ Chị Lê Kim T phải chịu 2.618.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Trong đó: án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 200.000đ; án phí chia tài sản là 2.418.000đ). Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.440.625 đồng theo biên lai số 11765 ngày 08/11/2016 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy, Chị T còn phải nộp tiếp 1.177.375đ tiền án phí dân sự;

+ Anh Nguyễn Văn D phải chịu 2.418.000đ tiền án phí chia tài sản.

- *Về chi phí thẩm định giá:* tổng chi phí thẩm định và định giá là 2.139.000đ.

Chị T và anh D mỗi người phải chịu 1.069.500đ. Chị T đã nộp 2.139.000đ tiền tạm ứng và đã chi xong, do đó anh D có trách nhiệm trả lại cho chị T 1.069.500đ tiền chi phí thẩm định và định giá.

- Về án phí phúc thẩm:

Anh D phải nộp 300.000đ tiền án phí phúc thẩm; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 02701 ngày 15/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H Châu Thành;
- Chi cục THADS H Châu Thành;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Võ Trinh